

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 814/QĐ-ĐHKG ngày 25 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Tên chương trình: **KINH DOANH QUỐC TẾ (INTERNATIONAL BUSINESS)**

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kinh doanh quốc tế

Mã ngành: 7340120

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kinh doanh quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, kinh doanh quốc tế; có tính năng động sáng tạo và tầm nhìn chiến lược.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Về kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên

- PO1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước;

- PO2: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn;

- PO3: Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành hiện đại và kiến thức chuyên môn sâu để tổ chức thực hiện các công việc đầu tư quốc tế; Quản trị Logistics và quản trị chuỗi cung ứng; trong tổ chức, quản trị sản xuất trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu, quản trị chiến lược và chính sách kinh doanh; vận tải và bảo hiểm ngoại thương; đàm phán trong kinh doanh quốc tế; giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu trong tình hình kinh doanh hiện đại hiện nay.



1.2.2 Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng

- PO4: Vận dụng được kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, có lập trường, tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch;

- PO5: Vận dụng kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;

- PO6: Xây dựng được chính sách kinh doanh, chiến lược kinh doanh; điều hành doanh nghiệp và giải quyết được các vấn đề thực tiễn trong kinh doanh quốc tế; Trau dồi khả năng tự học, làm việc độc lập, làm việc nhóm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong hoạt động kinh doanh quốc tế hiện nay.

1.2.3 Về thái độ

- PO7: Kích thích tư duy, tạo hứng thú để sinh viên có ý thức trong học tập để giúp sinh viên tin tưởng vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng;

- PO8: Tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận để vạch ra phương hướng nhận thức khoa học, từ đó giải quyết những vấn đề cấp bách đang diễn ra trong thực tiễn cuộc sống. Giúp sinh viên có ý thức được trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn từ đó làm theo quy luật, tôn trọng quy luật;

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

2.1 Chuẩn đầu ra Học phần đại cương

PLO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.

PLO2: Vận dụng được kiến thức giáo dục An ninh - Quốc phòng và đạt năng lực thể chất.

PLO3: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT). Việc quy đổi, công nhận một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung

năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam được thực hiện theo quy định hiện hành.

PLO4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGĐT-BTTTT).

PLO5: Thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc, năng lực học tập suốt đời và động cơ khởi nghiệp.

PLO6: Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng.

2.2 Chuẩn đầu ra Học phần ngành và chuyên ngành

PLO7: Áp dụng được các kiến thức nền tảng, phương pháp nghiên cứu về kinh tế để phân tích, giải thích được các vấn đề cơ bản về chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

PLO8: Vận dụng kiến thức chuyên ngành kinh doanh quốc tế để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế và quản trị như phân tích được các rủi ro liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế, có khả năng đàm phán kinh doanh quốc tế, giao dịch thương mại quốc tế lập được kế hoạch kinh doanh về tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh quốc tế.

PLO9: Thực hiện được các nghiệp vụ kinh doanh, nghiệp vụ thanh toán quốc tế; giao dịch quốc tế.

PL10: Lập được kế hoạch cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu; khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác.

PLO11: Sử dụng được một phần mềm kinh doanh trên sàn giao dịch thương mại điện tử để xử lý các dữ liệu trong việc kinh doanh quốc tế. Đề xuất được các giải pháp kinh doanh để đáp ứng sự thay đổi trong môi trường kinh doanh quốc tế hiện nay.

PLO12: Phân tích được hoạt động kinh doanh chỉ số tài chính, chiến lược kinh doanh để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kinh doanh quốc tế. Đánh giá được hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp đã hoàn thành và kết quả thực hiện công việc của nhân viên giao dịch thương mại quốc tế.

PLO13: Truyền đạt được vấn đề và giải pháp để xử lý các công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế.

PLO14: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.

PLO15: Giải quyết vấn đề một cách độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; đánh giá cơ hội để thích ứng, lập nghiệp và thăng tiến trong nghề nghiệp

Bảng 1: Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
PO1	x	x													
PO2	x		x	x											
PO3							x	x							
PO4		x				x									
PO5			x	x											
PO6							x	x	x	x	x	x	x		
PO7					x									x	
PO8						x	x	x	x	x					x

Bảng 2: Kiểm tra mức độ đáp ứng của các CĐR CTĐT với khung trình độ Quốc gia (bậc Đại học)

STT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TCTN 1	TCTN 2	TCTN 3	TCTN 4
PLO1		x						x				x			
PLO2		x						x				x			
PLO3		x									x	x			
PLO4			x			x						x			
PLO5	x				x	x	x	x				x	x		
PLO6		x				x						x			
PLO7					x	x						x			
PLO8	x			x			x	x	x				x		x
PLO9				x				x	x					x	
PLO10				x			x						x		x
PLO11			x						x						x
PLO12	x				x	x									x
PLO13	x								x			x			
PLO14	x								x				x		
PLO15	x					x						x			

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 121 tín chỉ**Bảng 3: Cấu trúc kiến thức của chương trình**

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	24	4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	83	10
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	35	30	5
2.2	Kiến thức chuyên ngành	48	43	5
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	10	0
Tổng cộng:		121	107	14










Bảng 4: Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
I Kiến thức giáo dục đại cương	28	23,1%	x	x	x	x					x						
II Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	76,9%															
1 Kiến thức cơ sở ngành	36	29,7%						x						x			
2 Kiến thức chuyên ngành	47	38,8%							x					x	x	x	
3 Khóa luận tốt nghiệp (hoặc tương đương)	10	8,4%												x	x		
Tổng cộng	121	100%															

IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
I. Kiến thức giáo dục đại cương			28				
1.1 Khối kiến thức bắt buộc			24				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37	0	8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	0	9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	0	6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	0	8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	0	9	30
6	A25001	Pháp luật đại cương	2	21	0	9	30
7	G25170	Tin học cơ sở	3	30	30	0	60
8	F25011	Tiếng Anh 1	2	15	0	15	30
9	F25012	Tiếng Anh 2	3	21	0	24	45
10	F25013	Tiếng Anh 3	3	21	0	24	45
1.2 Kiến thức bắt buộc (Không tích lũy)			12				
11	Z25010	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	0	30
12	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	0	30
13	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	0	30
14	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	45
15	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30	0	0	30
16	Z25003	Quân sự chung	2	14	16	0	30
17	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	60	0	60
1.3 Kiến thức tự chọn			4				
18	A25013	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	15	30	0	45
19	B25001	Tư duy hệ thống	2	15	30	0	45
20	A25014	Nghệ thuật giao tiếp	2	15	30	0	45
21	A25007	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	0	0	30

V.1
 JG
 OC
 ANI

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
22	C25001	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	15	30	0	45
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93				
2.1 Kiến thức cơ sở ngành			35				
2.1.1 Khối kiến thức bắt buộc			30				
23	B26001	Kinh tế vi mô	3	30	0	15	45
24	B26002	Kinh tế vĩ mô	3	30	0	15	45
25	B26005	Marketing căn bản	3	30	0	15	45
26	B26008	Quản trị học	3	30	0	15	45
27	B26006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15	30	0	45
28	B26004	Nguyên lý kế toán	3	30	0	15	45
29	B26014	Thuế	3	30	0	15	45
30	A26230	Luật Kinh Tế	2	20	0	10	30
31	B26042	Giao dịch thương mại quốc tế	3	30	30	0	60
32	A25009	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	30	0	15	45
33	A25045	Toán kinh tế	2	15	0	15	30
2.1.2 Kiến thức tự chọn			5				
Kiến thức tự chọn 1			3				
34	B27006	Kế toán quản trị	3	30	0	15	45
35	B26100	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	30	0	15	45
36	B26021	Nghị vụ hải quan	3	30	30	0	60
37	B26003	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30	0	15	45
Kiến thức tự chọn 2			2				
38	B26022	Quan hệ kinh doanh quốc tế	2	15	0	15	30
39	B26061	Quản trị nguồn nhân lực	2	15	0	15	30
40	A27100	Luật thương mại quốc tế	2	20	0	10	30
41	B28004	Kế toán quốc tế	2	15	0	15	30

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
2.2 Kiến thức ngành			58				
2.2.1 Khối kiến thức bắt buộc			43				
42	B26068	Thanh toán quốc tế	3	30	0	15	45
43	B27176	Digital Marketing	3	30	30	0	60
44	B27156	Quản trị chiến lược	3	30	0	15	45
45	B27123	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	30	0	15	45
46	B27125	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	3	30	0	15	45
47	B27071	Quản trị chuỗi cung ứng	3	30	0	15	45
48	B27079	Thương mại điện tử	2	15	30	0	45
49	B27023	Đầu tư quốc tế	2	15	0	15	30
50	B27124	Tiếng anh chuyên ngành 2	3	30	0	15	45
51	B27045	Quản trị tài chính các công ty đa quốc gia	3	30	30	0	60
52	B27044	Quản trị Logistics	3	30	0	15	45
53	B27128	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	2	15	30	0	45
54	B27096	Quản trị chất lượng	3	30	0	15	45
55	B27127	Kinh doanh quốc tế	3	30	0	15	45
56	B27129	Thực tập nghề nghiệp KDQT	4	0	180	0	180
2.2.2 Kiến thức tự chọn			5				
Kiến thức tự chọn 1			3				
57	B27077	Quản trị sự thay đổi	3	30	30	0	60
58	B27061	Hành vi tổ chức	3	30	0	15	45
59	B27007	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	0	15	45
Kiến thức tự chọn 2			2				
60	B27081	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	15	0	15	30
61	B27158	Hệ thống thông tin quản lý	2	15	0	15	30
2.4 Kiến thức tốt nghiệp			10				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
62	B28034	Khoá luận tốt nghiệp KDQT	10	0	450	0	450
<i>Hoặc các học phần thay thế</i>			10				
63	B27115	Quản trị thương hiệu	3	30	0	15	45
64	B28032	Mua bán sáp nhập doanh nghiệp	2	15	0	15	30
65	B28033	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế	3	30	0	15	45
66	B28019	Khởi sự doanh nghiệp	2	15	30	0	45

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo./.


KT. HIỆU TRƯỞNG
HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Văn Thành